

Ngày 16/04/2018

**Phòng phân tích
Công ty cổ phần
Chứng Khoán Phú Hưng**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật
Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-8) 5 413 5479
Fax: (84-8) 5 413 5472
Customer Service: (84-8) 5 411 8855
Call Center: (84-8) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn/support@phs.vn
Web: www.phs.vn

Thị trường trải qua một tuần giao dịch đầy biến động sau khi đón nhận những tin tức tiêu cực từ thị trường thế giới. Căng thẳng thương mại Mỹ-Trung chưa kịp lắng xuống thì lo ngại từ địa chính trị ở Trung Đông dấy lên gây tâm lý lo ngại cho giới đầu tư. Chỉ số VN-Index lẫn HNX-Index rơi vào trạng thái giảm sâu.

Tuần giao dịch vừa qua hầu như ngành nào cũng đều diễn biến giảm, trong đó ngân hàng và bất động sản là nhóm giảm sâu nhất. Chốt tuần, VN-Index đóng cửa tại 1157.14 điểm (-3.57%) với KLGD KL bình quân mỗi phiên đạt 208.2 triệu cổ phiếu (+0.4%), tương đương 6496 tỷ/phiên (+4.6%).

Hầu hết các mã ngân hàng đều giảm điểm VCB (-7.7%), BID (-4.4%), tuy nhiên HDB (+7.6%) là cổ phiếu duy nhất vẫn giữ được đà tăng tích cực. Bên cạnh đó, đà giảm sâu còn đến từ nhóm bất động sản VIC (-3.6%), NVL (-2.5%), VRE (-3.2%), xây dựng ROS (-19.8%), REE (-3.3%), DIG (-6.3%) và thực phẩm. Ngoài ra, nhóm dầu khí cũng diễn biến tiêu cực tương tự, tuy nhiên nhờ vào giá dầu có sự hồi phục đáng kể từ sự kiện căng thẳng ở Syria gây lo ngại về nguồn cung bị hạn chế, đã hỗ trợ các cổ phiếu ngày này hạn chế đà giảm sâu hơn PLX (-7.9%), GAS (-1.3%), PMG (-7.9%).

Trên sàn Hà Nội, chỉ số HNX-Index cũng có diễn biến lao dốc mạnh từ mốc 138 điểm trong tuần trước rớt còn 133.34 điểm (-3.39%) với KLGD KL bình quân mỗi phiên đạt 61.1 triệu cổ phiếu (+10.2%), tương đương 1051 tỷ/phiên (+7.5%).

Ngân hàng ACB (-4.7%), NVB (-2.0%), SHB (-0.7%) và vật liệu xây dựng VCS (-12.3%), VGC (-6.4%), VHL (-1.9%) là bộ đôi dẫn đầu đà giảm. Bên cạnh đó, các cổ phiếu xây dựng VCG (-13.6%), V21 (-38.6%), TTL (-13.7%), chứng khoán SHS (-10.3%), MBS (-6.5%), BVS (-2.0%) và bảo hiểm PTI (-10.8%), PVI (-1.0%), VNR (-2.5%) nối tiếp đà giảm khi hầu hết đều diễn biến tiêu cực.

Mặc dù tâm lý đầu tư vẫn khá thận trọng nhưng khối ngoại vẫn đảo chiều bơm ròng trên cả hai sàn trong tuần qua. Trong đó, giá trị mua ròng trên sàn HOSE với giá trị đạt 121.0 tỷ, tập trung ở các mã HDB (+545.1 tỷ), VNM (+275.9 tỷ), SSI (+237.6 tỷ) và bán ròng chủ yếu VIC (-407.5 tỷ), VCB (-283.3 tỷ), VJC (-247.6 tỷ). Trên sàn Hà Nội, khối ngoại mua ròng 156.3 tỷ, tập trung ở các mã SHB (+203.5 tỷ), VPI (+82.0 tỷ), PVS (+40.3 tỷ) trong khi VGC (-71.2 tỷ), NDN (-21.4 tỷ), HUT (-14.9 tỷ) dẫn đầu danh sách bán ròng.

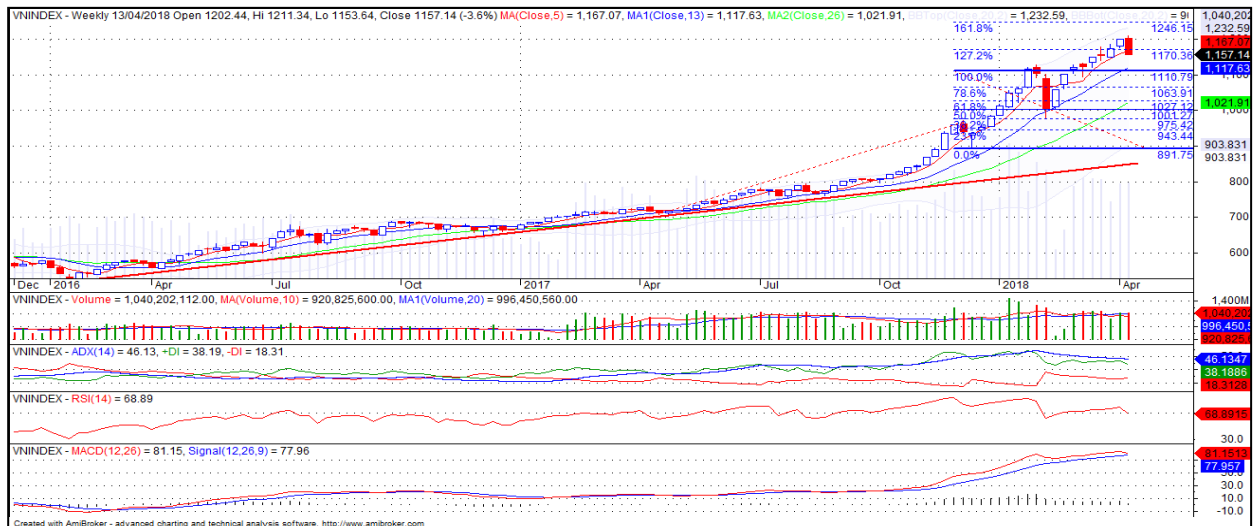
Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có tuần giảm điểm trở lại. Không những vậy, xu hướng điều chỉnh ngắn hạn của chỉ số đang dần được xác nhận, khi chỉ số cắt xuống dưới MA20, kèm theo MA5 đang có tín hiệu đi xuống giao cắt với MA 20. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác cũng cho tín hiệu kém tích cực, như MACD đi xuống đường Signal phát đi tín hiệu bán, RSI đi xuống vùng 48 cho thấy áp lực điều chỉnh mạnh lên, kèm theo khối lượng giao dịch suy giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền đang khá thận trọng và có dấu hiệu đứng ngoài thị trường, cho thấy chỉ số có khả năng sẽ tiếp tục suy giảm trong tuần tới. Ngưỡng hỗ trợ gần đối với chỉ số tại thời điểm hiện tại có thể là vùng 1.110 điểm (Fib 100). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có cũng có diễn biến tương tự. Chỉ số có tuần giảm điểm trở lại và đi xuống đóng cửa dưới MA20, kèm theo các tín hiệu kỹ thuật như MACD và RSI đang đi xuống tiêu cực, cho thấy xu hướng điều chỉnh ngắn hạn đang có dấu hiệu quay trở lại, ngưỡng hỗ trợ gần có thể là vùng 129-130 điểm (MA50). Nhìn chung, xu hướng điều chỉnh ngắn hạn của thị trường đang có dấu hiệu quay trở lại, do đó, nhà đầu tư nên cân nhắc hạ tỷ trọng danh mục về mức an toàn nhằm hạn chế rủi ro bất ngờ.

Tổng quan thị trường

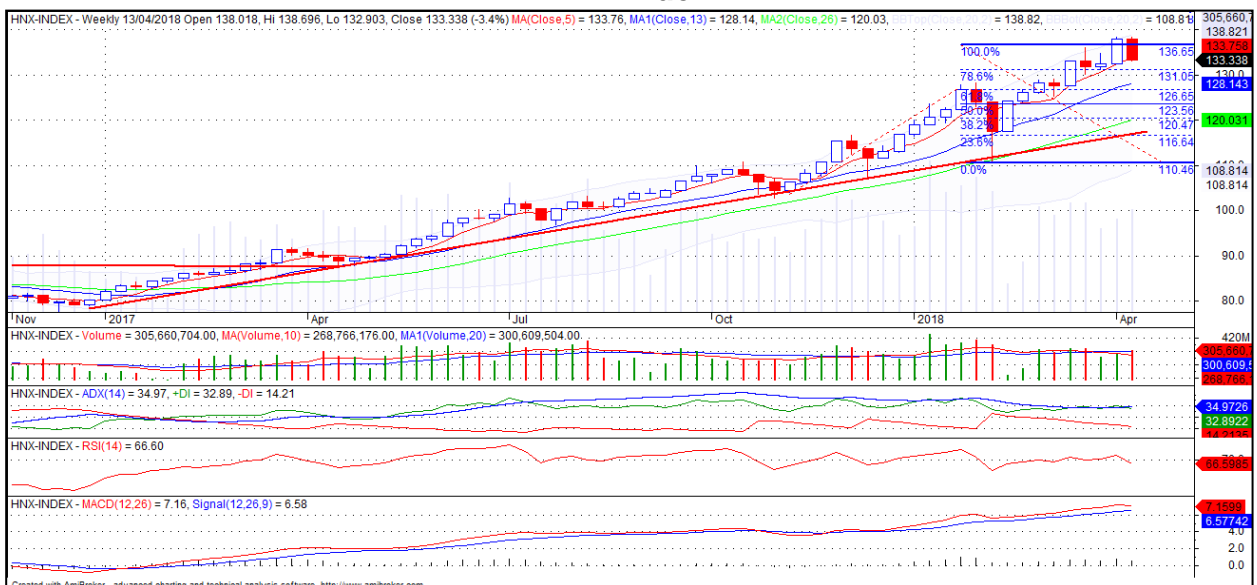
Thị trường trong nước

Ngày tháng	Thứ 2 09/04	Thứ 3 10/04	Thứ 4 11/04	Thứ 5 12/04	Thứ 6 13/04	Tr. bình
HOSE	1,204.33	1,198.12	1,167.11	1,173.02	1,157.14	1,179.94
Thay đổi +/-	4.37	-6.21	-31.01	5.91	-15.88	-8.56
Thay đổi %	0.36	-0.52	-2.59	0.51	-1.35	1.97
Khối lượng (tr.CP)	222.92	246.57	245.79	168.96	156.90	208.23
Giá trị (tỷ đồng)	6,964.1	7,788.6	7,519.4	5,217.8	4,990.2	6,496.0
Đầu tư nước ngoài	325.9	133.5	-271.4	-65.8	-1.2	24.2
HNX	137.79	136.68	133.74	135.63	133.34	135.44
Thay đổi +/-	-0.23	-1.11	-2.94	1.89	-2.29	-0.94
Thay đổi %	-0.17	-0.81	-2.15	1.41	-1.69	-0.68
Khối lượng (tr.CP)	69.25	65.16	71.74	51.36	48.14	61.13
Giá trị (tỷ đồng)	1,188.8	1,126.1	1,301.1	883.3	757.1	1,051.29
Đầu tư nước ngoài	5.4	24.0	108.8	-3.3	21.31	31.26

VN-Index



HNX-Index



TOP 10 mã cổ phiếu trong tuần
HOSE
Top 10 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
TYA	17.2	659.5	15.0%
TPC	12.6	798.0	13.6%
VHG	1.3	12,809.5	12.4%
TVS	14.5	1,546.4	9.2%
DAH	5.0	3,576.2	8.3%
SII	21.1	0.3	8.2%
ASM	13.6	39,338.8	8.0%
TCH	23.7	5,594.2	8.0%
GSP	15.0	267.3	7.9%
VAF	10.2	3,570.4	7.8%

Top 10 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
TLD	10.5	3,814.7	-21.6%
AAA	20.6	5,720.0	-20.9%
ROS	107.0	7,929.1	-19.8%
HAX	20.0	643.1	-14.9%
LCM	0.8	337.2	-14.7%
DRC	25.8	2,425.3	-14.6%
LGC	17.8	8.7	-14.3%
VCF	154.9	3.8	-14.0%
KSH	2.1	3,224.0	-13.9%
HAR	7.6	5,409.6	-13.6%

Top 10 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	127.6	2,604.3	-3.6%
MSN	102.5	2,190.8	-3.8%
HDB	50.0	1,950.3	7.6%
HPG	61.2	1,890.1	1.3%
CTG	34.2	1,695.2	-4.0%
MBB	33.1	1,552.2	-9.9%
VCB	67.9	1,534.3	-7.7%
SSI	41.3	1,462.8	-1.2%
VPB	64.1	1,392.8	-5.9%
NVL	74.5	1,375.6	-2.5%

HNX
Top 10 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
SDG	23.6	1,854.2	48.2%
NRC	43.8	575.9	39.7%
CLH	17.2	71.4	27.5%
SMT	28.6	8.2	26.5%
CCM	30.9	6.9	22.0%
TTB	17.6	3,610.9	18.7%
C69	5.7	87.0	18.0%
DNP	22.0	266.8	17.4%
DST	3.5	5,815.8	16.5%
TST	5.5	0.4	16.4%

Top 10 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
V21	13.0	2.1	-38.6%
SJC	8.6	378.7	-31.8%
PCG	7.7	1.4	-23.1%
ARM	44.6	0.3	-19.9%
X20	18.2	0.2	-19.7%
SDC	9.6	0.4	-18.8%
PGT	3.0	18.5	-17.4%
PVC	6.6	2,501.3	-17.3%
SD7	2.6	79.3	-16.7%
QTC	19.0	14.5	-16.3%

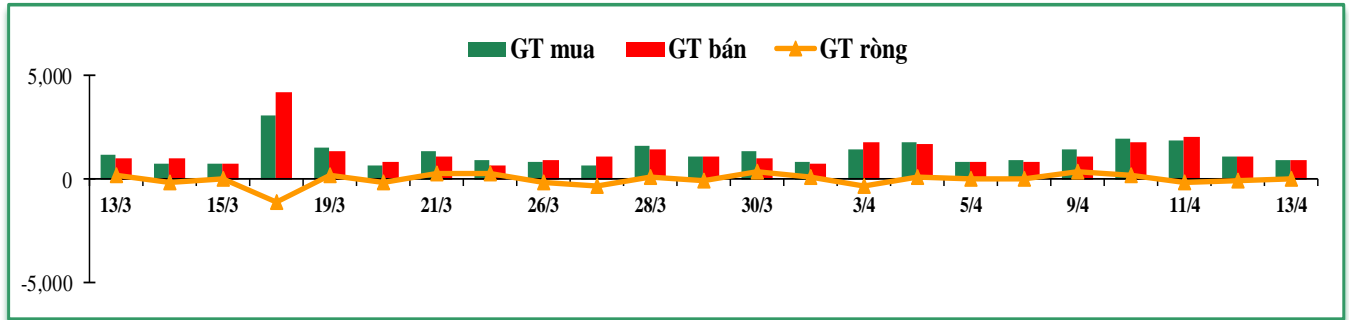
Top 10 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	13.2	1,344.5	-0.7%
ACB	48.5	1,069.5	-4.7%
PVS	21.4	517.9	3.7%
SHS	21.6	303.6	-10.3%
VGC	23.6	246.9	-6.4%
CEO	15.3	217.1	-1.0%
VCG	21.3	209.4	-13.6%
MBS	20.0	186.6	-6.5%
VCS	121.5	148.5	-12.3%
VPI	42.0	133.0	-1.1%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	KL mua		KL bán		GT mua		GT bán		Mua-Bán Tỷ đồng
	Triệu CP	% +/-	Triệu CP	% +/-	Tỷ đồng	% +/-	Tỷ đồng	% +/-	
HOSE	113.4	6%	113.0	13%	5,981.9	6%	5,860.9	4%	121.0
HNX	22.5	168%	13.3	-10%	384.8	142%	228.6	-8%	156.3
Tổng	135.9	17%	126.3	10%	6366.7	10%	6089.5	4%	277.2

Biểu đồ giao dịch nhà đầu tư nước ngoài



HOSE

Top 10 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HDB	50.0	545.1	7.6%
VNM	195.7	275.9	-1.3%
SSI	41.3	237.6	-1.2%
VRE	50.8	211.0	-3.2%
DHG	113.2	82.5	0.8%
STB	15.5	55.5	-4.0%
HPG	61.2	53.0	1.3%
GEX	38.0	44.2	-3.5%
BVH	104.2	41.5	-3.1%
PVD	19.5	37.7	6.1%

Top 10 bán ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	127.6	(407.5)	-3.6%
VCB	67.9	(283.3)	-7.7%
VJC	211.8	(247.6)	-2.9%
SBT	17.7	(174.0)	-2.2%
NVL	74.5	(109.9)	-2.5%
GAS	128.0	(81.3)	-1.3%
PAN	66.0	(47.1)	-9.3%
MSN	102.5	(41.5)	-3.8%
KBC	13.9	(34.0)	-5.8%
HAG	5.5	(29.8)	-11.8%

HNX

Top 10 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	13.2	203.5	-0.7%
VPI	42.0	82.0	-1.1%
PVS	21.4	40.3	3.7%
SHS	21.6	7.8	-10.3%
CEO	15.3	7.0	-1.0%
HDA	9.3	2.0	-6.7%
VMC	50.9	1.7	0.8%
MAS	80.0	1.1	2.7%
IVS	9.7	0.6	2.7%
DGC	31.5	0.6	-0.9%

Top 10 bán ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VGC	23.6	(71.2)	-6.4%
NDN	19.7	(21.4)	0.3%
HUT	8.9	(14.9)	-10.4%
VCG	21.3	(10.4)	-13.6%
MBS	20.0	(4.1)	-6.5%
TVC	10.0	(2.8)	-7.5%
EBS	11.5	(2.7)	-4.1%
DBC	21.4	(2.1)	-0.9%
KLF	2.2	(1.8)	-8.4%
DNP	22.0	(1.7)	17.4%

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UNIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801